

Họ và tên: Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

ƯỚC MƠ VỀ MỘT “ĐÔNG ĐÔ” THẾ KỶ XXI

Xin khẳng định để tránh hiểu nhầm “Đông Đô” ở đây không phải là Đông Đô (Thăng Long - Hà Nội) mà Hồ Quý Ly đổi danh xưng Thăng Long thành Đông Đô để phân biệt với Tây Đô ở Thanh Hóa năm 1397. “Đông Đô” ở đây là một mỹ danh mà dân gian dành cho vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa. Cũng như người ta gọi Cần Thơ là Tây Đô vậy và đó là một bộ phận không thể tách rời của Tổ quốc Việt Nam.

1. Nam Bộ bao gồm cả miền Đông và miền Tây là một vùng đất trẻ của dân tộc Việt Nam. Trong vùng đất mới hơn 300 năm ấy, “tuổi đất” lẫn tuổi “giấy” khai sinh - tên hành chính “quốc gia” của miền Tây Nam Bộ, trong đó có Trăn Giang (tên cũ của Cần Thơ - trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long [...]), hẳn còn trẻ lắm so với đất phù sa cổ của miền Đông Nam Bộ với <u>Trăn Biên</u>, rồi Biên Hòa với tư cách là trung tâm của các tỉnh miền Đông. [...]

Đặc biệt, Biên Hòa có thương cảng Nông Nại (cù lao Phố) sầm uất bậc nhất ở phương Nam. Mặc dù chỉ là một cộng đồng, nằm cách biển gần 70 cây số nhưng nhờ địa thế về luồng lạch sâu, phong cách mua bán, thế mạnh về các mặt hàng nông - lâm - thổ sản [...] nên Nông Nại trở thành một thương cảng mang tầm vóc quốc tế. Cho nên từ thương cảng Nông Nại, Biên Hòa kết nối với các đường hàng hải quốc tế, nhờ đó đây là nơi mở cửa ra thế giới sớm nhất Nam Bộ.

2. Thương cảng nằm ở cù lao có 13 thôn nối với Bản Lân bên đất liền bằng một chiếc cầu gỗ bắc qua rạch Cái (vị trí ở đầu cầu Hiệp Hòa hiện nay) kết nối với chợ Đình, chợ lớn nhất Trăn Biên lúc bấy giờ có dáng dấp như một chợ đầu mối ngày nay (vị trí nằm phía sau đình Phước Lư hiện nay).

Điều đặc biệt là cù lao chỉ rộng 700 mẫu ấy có 13 thôn, mỗi thôn đều mang một tên riêng từ thời người Việt mới đến. Vậy mà khi nhắc đến vùng đất cù lao hình quả chuông sau khi có thương cảng, người ta gọi là cù lao Phố. Nghĩa là trên đất cù lao có phố xá - không phải là những dãy phố nhỏ bình thường mà là phố lớn - Nông Nại Đại phố, [...]

Cho nên người ta gọi thương cảng Nông Nại - Dou nai - Đồng Nai là Nông Nại Đại phố, cũng có khi gọi là Đông phố. Sau này, đã 13 thôn sáp nhập thành 3 ấp: Nhất Hòa, Nhị Hòa và Tam Hòa, rồi tiếp tục sáp nhập thành Hiệp Hòa nhưng dân gian vẫn gọi vùng đất hình quả chuông này là cù lao Phố một cách tự hào, hãnh diện.

3. Nông Nại Đại phố mở cửa ra biển lớn, chỉ độ gần 100 năm, nó góp phần làm cho thế giới biết đến Đồng Nai - Đông phố - là một nơi “đất đô hội”.

Đến giữa những năm 20 của thế kỷ XXI, qua Cảng hàng không quốc tế (sân bay) Long Thành, Đồng Nai mở cửa bầu trời, đưa cái tên Long Thành - “Thành Rồng” ra với cộng đồng thế giới. Đi cùng với đây nhanh quá trình xây dựng sân bay, một đề án quy hoạch đô thị sân bay rộng 43 ngàn hecta đã được Đồng Nai thông qua và triển khai thực hiện đến năm 2045. Đây sẽ là một đô thị lớn với trung tâm là Sân bay Long Thành rộng 5 ngàn hecta. Rồi đây, bằng tình yêu, lòng tự hào, trách nhiệm, ước mơ và cả khát vọng, người Đồng Nai sẽ biến những vùng đất ven các trục giao thông chính kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh thành một nơi đô hội đáng sống làm bệ phóng cho những ý tưởng sáng tạo.

Cù lao Phố - Nông Nại Đại phố - Đông Phố - Đông Đô một thời trong kỷ ức người Biên Hòa - Đồng Nai (Biên Hòa ở đây xin hiểu theo nghĩa rộng của thời Nam Kỳ lục tỉnh), tương lai sẽ trở thành “Thành Rồng” - Đông Đô mới của Biên Hòa - Đồng Nai thế kỷ XXI.

(Mai Sông Bé, Nguồn: <https://baodongnai.com.vn>, ngày 24/04/2026)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra một yếu tố hình thức của văn bản thông tin trong đoạn trích trên.

Câu 2. Theo văn bản, yếu tố nào giúp Đồng Nai xưa và nay được thế giới biết đến?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp liệt kê trong câu văn sau: *Rồi đây, bằng tình yêu, lòng tự hào, trách nhiệm, ước mơ và cả khát vọng, người Đồng Nai sẽ biến những vùng đất ven các trục giao thông chính kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh thành một nơi đô hội đáng sống làm bệ phóng cho những ý tưởng sáng tạo.*

Câu 4. Nêu mục đích của việc tác giả trình bày thông tin theo trật tự thời gian (từ quá khứ đến hiện tại và hướng tới tương lai) trong đoạn trích.

Câu 5. Theo anh/chị, việc khai thác và phát huy các giá trị lịch sử có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của quê hương? (Trình bày khoảng 5-7 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những chuẩn bị cần thiết của người trẻ để thích ứng với sự thay đổi của quê hương trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hình tượng Tổ quốc được thể hiện qua hai đoạn thơ sau:

*Tổ quốc là khi mẹ sinh con
Có cái mũi dọc dừa, màu da vàng như nắng
Đêm trở dạ có bà con chòm xóm
Bếp lửa hồng ấm suốt cả đời ta*

*Con lớn như măng trong sự tích đằng ngà
Hồn trẻ Việt tự mang hồn Thánh Gióng
Nét phúc hậu dịu dàng cô Tấm
Nghĩa đồng bào ôm trọn biển và non*

*Là ngọt ngào tiếng Việt môi son
Ôi tiếng Việt bao tháng trầm xa xót
Cánh cò bay là vào câu hát
Chạm trang Kiều, tiếng Việt hóa lung linh
[...]*

(Nguyễn Sỹ Đại¹, trích *Tổ quốc, Trái tim người lính*, NXB Hội Nhà văn, 1998, tr.78)

*Tổ quốc là tiếng mẹ
Ru ta từ trong nôi
Qua nhọc nhằn năm tháng
Nuôi lớn ta thành người*

*Tổ quốc là mây trắng
Trên ngút ngàn Trường Sơn
Bao người con ngã xuống
Cho quê hương mãi còn*

*Tổ quốc là cây lúa
Chín vàng mùa ca dao
Như dáng người thôn nữ
Nghiêng vào mùa chiêm bao
[...]*

(Nguyễn Việt Chiến², trích *Tổ quốc là tiếng mẹ, Tổ quốc nhìn từ biển*, NXB Hội Nhà văn, 2015, tr.45)

* Chú thích:

¹ Nguyễn Sỹ Đại (sinh năm 1955, Hà Tĩnh) là một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca đương đại Việt Nam, đặc biệt gắn với vùng đất xứ Nghệ giàu truyền thống văn hóa. Thơ ông giản dị, chân thành, dễ tiếp nhận. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Lá* (1980 – 1990), *Nơi em về* (1989), *Trái tim người lính* (1998).

² Nguyễn Việt Chiến (sinh năm 1952, Hà Nội) là nhà thơ, nhà báo. Thơ ông giàu chất suy tưởng, mang cảm hứng công dân và tình yêu Tổ quốc gắn với lịch sử, chủ quyền. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Mưa lúc không giờ* (1992), *Ngọn sóng thời gian* (1998), *Tổ quốc nhìn từ biển* (2011).

—HẾT—

- > Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- > Giám thị không giải thích gì thêm.

LỜI GIẢI THAM KHẢO

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Chỉ ra một yếu tố hình thức của văn bản thông tin trong đoạn trích trên.

Một yếu tố hình thức của văn bản thông tin trong đoạn trích là: **có nhan đề rõ ràng**: “*Ước mơ về một ‘Đồng Đô’ thế kỷ XXI*”.

Có thể trả lời thêm các yếu tố khác như: văn bản có **nguồn trích**, có **các mục được đánh số 1, 2, 3**, có **thông tin, số liệu, địa danh cụ thể**, có cách trình bày theo trật tự thời gian.

Câu 2. Theo văn bản, yếu tố nào giúp Đồng Nai xưa và nay được thế giới biết đến?

Theo văn bản, Đồng Nai xưa được thế giới biết đến nhờ **thương cảng Nông Nại**, tức **Nông Nại Đại phố**, một thương cảng sầm uất, có khả năng kết nối với các đường hàng hải quốc tế.

Đồng Nai ngày nay và trong tương lai được thế giới biết đến nhờ **Cảng hàng không quốc tế Long Thành**, nơi mở cửa bầu trời, đưa tên Long Thành - “Thành Rồng” ra với cộng đồng thế giới.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp liệt kê trong câu văn sau:

Rồi đây, bằng tình yêu, lòng tự hào, trách nhiệm, ước mơ và cả khát vọng, người Đồng Nai sẽ biến những vùng đất ven các trục giao thông chính kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh thành một nơi đô hội đáng sống làm bệ phóng cho những ý tưởng sáng tạo.

Trong câu văn trên, tác giả sử dụng biện pháp liệt kê qua các từ ngữ: “*tình yêu, lòng tự hào, trách nhiệm, ước mơ và cả khát vọng*”.

Biện pháp liệt kê có tác dụng nhấn mạnh những phẩm chất, tình cảm và động lực tinh thần của người Đồng Nai trong quá trình xây dựng quê hương. Đó không chỉ là tình yêu quê hương, niềm tự hào về truyền thống lịch sử mà còn là ý thức trách nhiệm, ước mơ và khát vọng vươn lên. Cách liệt kê còn làm cho câu văn giàu nhịp điệu, giàu cảm xúc, thể hiện niềm tin của tác giả vào tương lai phát triển mạnh mẽ của Đồng Nai.

Câu 4. Nêu mục đích của việc tác giả trình bày <u>thông tin theo trật tự thời gian</u> từ quá khứ đến hiện tại và hướng tới tương lai trong đoạn trích.

Việc trình bày thông tin theo trật tự thời gian giúp người đọc thấy rõ quá trình hình thành, phát triển và tiếp nối của vùng đất Đồng Nai. Từ quá khứ với cù lao Phố, Nông Nại Đại phố từng là thương cảng sầm uất, đến hiện tại với sân bay Long Thành và hướng tới tương lai là một đô thị hiện đại, đáng sống.

Cách trình bày này làm nổi bật sự vận động liên tục của Đồng Nai qua các thời kỳ, đồng thời khẳng định truyền thống lịch sử là nền tảng để quê hương phát triển trong thời đại mới. Qua đó, tác giả thể hiện niềm tự hào, niềm tin và khát vọng về một “**Đồng Đô**” mới của Đồng Nai trong thế kỷ XXI.

Câu 5. Theo anh/chị, việc khai thác và phát huy các giá trị lịch sử có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của quê hương? Trình bày khoảng 5-7 dòng.

Việc khai thác và phát huy các giá trị lịch sử có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của quê hương. Những giá trị lịch sử giúp con người hiểu sâu hơn về cội nguồn, truyền thống và bản sắc của vùng đất mình đang sống. Từ đó, mỗi người thêm yêu, thêm tự hào và có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng quê hương. Nếu được khai thác đúng hướng, các giá trị lịch sử còn có thể góp phần phát triển du lịch, văn hóa, giáo dục và kinh tế địa phương. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, lịch sử không chỉ là ký ức của quá khứ mà còn là động lực để quê hương phát triển bền vững trong tương lai.

PHẦN II. VIẾT

Câu 1. Viết đoạn văn khoảng 200 chữ

Đề bài: Từ nội dung ở phần Đọc hiểu, viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ về những chuẩn bị cần thiết của người trẻ để thích ứng với sự thay đổi của quê hương trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Gợi ý triển khai

Người trẻ cần chuẩn bị:

- **Tri thức, năng lực học tập suốt đời** để theo kịp sự phát triển của quê hương.
- **Kỹ năng công nghệ, ngoại ngữ, giao tiếp, hợp tác** để thích ứng với môi trường hiện đại.
- **Bản lĩnh, tư duy sáng tạo, tinh thần chủ động** trước những thay đổi nhanh chóng.
- **Ý thức trách nhiệm với quê hương**, biết góp sức xây dựng nơi mình sống.
- **Tình yêu truyền thống, bản sắc văn hóa, lịch sử** để phát triển nhưng không đánh mất cội nguồn.

Đoạn văn tham khảo

Trong bối cảnh quê hương đang từng ngày đổi mới và phát triển, người trẻ cần có những chuẩn bị cần thiết để thích ứng và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Trước hết, mỗi người phải không ngừng học tập, tích lũy tri thức, rèn luyện năng lực chuyên môn để có thể đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại. Bên cạnh đó, người trẻ cần trang bị các kỹ năng quan trọng như sử dụng công nghệ, ngoại ngữ, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề. Đây là những hành trang giúp họ tự tin hội nhập với sự phát triển chung. Không chỉ vậy, người trẻ còn cần có bản lĩnh, tư duy sáng tạo và tinh thần chủ động để không bị động trước những đổi thay nhanh chóng của cuộc sống. Đặc biệt, trong quá trình thích ứng với cái mới, mỗi người không được quên tình yêu quê hương, niềm tự hào về lịch sử, văn hóa và truyền thống dân tộc. Biết trân trọng quá khứ, sống có trách nhiệm trong hiện tại và nuôi dưỡng khát vọng tương lai, người trẻ sẽ trở thành lực lượng quan trọng góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Câu 2. Viết bài văn khoảng 600 chữ

Đề bài: So sánh, đánh giá hình tượng Tổ quốc được thể hiện qua hai đoạn thơ của Nguyễn Sĩ Đại và Nguyễn Việt Chiến.

Dàn ý chi tiết

1. Mở bài

Giới thiệu vấn đề nghị luận: hình tượng Tổ quốc trong thơ ca Việt Nam luôn là đề tài thiêng liêng, sâu sắc. Qua hai đoạn thơ của Nguyễn Sĩ Đại và Nguyễn Việt Chiến, hình tượng Tổ quốc hiện lên gần gũi, thân thương nhưng cũng lớn lao, thiêng liêng.

2. Thân bài

a. Hình tượng Tổ quốc trong đoạn thơ của Nguyễn Sĩ Đại

Trong đoạn thơ của Nguyễn Sĩ Đại, Tổ quốc hiện lên từ những gì gần gũi nhất với đời sống con người:

“Tổ quốc là khi mẹ sinh con

Có cái mũi dọc dừa, màu da vàng như nắng”

Tổ quốc bắt đầu từ sự sinh thành, từ hình hài con người Việt Nam với màu da, dáng vóc, nguồn cội. Tổ quốc không xa vời mà hiện diện trong gia đình, trong người mẹ, trong bếp lửa, trong tình làng nghĩa xóm:

“Đêm trở dạ có bà con chòm xóm

Bếp lửa hồng ấm suốt cả đời ta”

Hình ảnh ấy gợi một Tổ quốc ấm áp, nghĩa tình, được tạo nên từ tình mẫu tử, tình xóm làng và truyền thống cộng đồng.

Tổ quốc còn được nhà thơ cảm nhận qua chiều sâu văn hóa dân gian:

“Hồn trẻ Việt tự mang hồn Thánh Gióng

Nét phúc hậu dịu dàng cô Tấm”

Thánh Gióng biểu tượng cho tinh thần yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm; cô Tấm biểu tượng cho vẻ đẹp hiền lành, nhân hậu của con người Việt Nam. Qua đó, Tổ quốc được nhìn như sự kết tinh của truyền thống anh hùng và phẩm chất nhân văn.

Đặc biệt, Tổ quốc còn là tiếng Việt, là văn chương, là ca dao, Truyện Kiều:

“Là ngọt ngào tiếng Việt môi son

Ôi tiếng Việt bao tháng trăm xa xót

Cánh cò bay là vào câu hát

Chạm trang Kiều, tiếng Việt hóa lung linh”

Tiếng Việt trở thành linh hồn của Tổ quốc, là nơi lưu giữ lịch sử, tâm hồn, nỗi đau và vẻ đẹp văn hóa dân tộc.

b. Hình tượng Tổ quốc trong đoạn thơ của Nguyễn Việt Chiến

Trong đoạn thơ của Nguyễn Việt Chiến, Tổ quốc cũng được cảm nhận từ những hình ảnh gần gũi, thân thương:

“Tổ quốc là tiếng mẹ

Ru ta từ trong nôi”

Tổ quốc gắn với tiếng mẹ, lời ru, tuổi thơ và sự nuôi dưỡng tinh thần. Tiếng mẹ không chỉ là âm thanh đầu đời mà còn là cội nguồn văn hóa, tình yêu thương và nhân cách con người.

Tổ quốc còn hiện lên trong vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ và lịch sử hi sinh:

“Tổ quốc là mây trắng

Trên ngút ngàn Trường Sơn

Bao người con ngã xuống

Cho quê hương mãi còn”

Hình ảnh Trường Sơn gợi không gian đất nước rộng lớn, gợi những năm tháng chiến tranh gian khổ. Những người con ngã xuống đã làm nên sự sống còn của quê hương. Vì thế, Tổ quốc trong thơ Nguyễn Việt Chiến vừa đẹp đẽ vừa thiêng liêng, được đánh đổi bằng máu xương của bao thế hệ.

Bên cạnh đó, Tổ quốc còn là vẻ đẹp bình dị của làng quê Việt Nam:

“Tổ quốc là cây lúa

Chín vàng mùa ca dao

Như dáng người thôn nữ

Nghiêng vào mùa chiêm bao”

Cây lúa, ca dao, người thôn nữ là những hình ảnh đậm chất dân gian, gợi vẻ đẹp mềm mại, trù phú, yên bình của đất nước.

c. So sánh điểm giống nhau

Hai đoạn thơ đều thể hiện Tổ quốc bằng những hình ảnh gần gũi, quen thuộc: người mẹ, tiếng nói, làng quê, văn hóa dân gian, truyền thống lịch sử. Cả hai nhà thơ đều không nhìn Tổ quốc như một khái niệm trừu tượng mà cảm nhận Tổ quốc từ những điều thân thương trong đời sống hằng ngày. Cả hai đoạn thơ đều sử dụng kiểu câu định nghĩa “Tổ quốc là...” giúp hình tượng Tổ quốc hiện lên cụ thể, giàu cảm xúc. Giọng thơ đều tha thiết, trân trọng, thể hiện tình yêu sâu nặng với đất nước.

d. So sánh điểm khác nhau

Ở đoạn thơ của Nguyễn Sĩ Đại, Tổ quốc được cảm nhận đậm nét qua nguồn cội sinh thành, gia đình, cộng đồng và chiều sâu văn hóa dân tộc. Nhà thơ nhấn mạnh đến tiếng Việt, truyện cổ, truyền thuyết, ca dao, Truyện Kiều như những yếu tố làm nên linh hồn Tổ quốc.

Trong khi đó, đoạn thơ của Nguyễn Việt Chiến lại khắc họa Tổ quốc cô đọng hơn qua tiếng mẹ, thiên nhiên Trường Sơn, sự hi sinh của những người con và vẻ đẹp đồng quê. Tổ quốc trong thơ Nguyễn Việt Chiến vừa gần gũi, mềm mại, vừa mang âm hưởng trang trọng, hào hùng.

e. Đánh giá

Hai đoạn thơ đã góp phần làm phong phú hình tượng Tổ quốc trong thơ ca Việt Nam hiện đại. Mỗi nhà thơ có cách cảm nhận riêng nhưng đều gặp nhau ở tình yêu nước sâu sắc. Qua đó, người đọc hiểu rằng Tổ quốc không chỉ là lãnh thổ, núi sông mà còn là mẹ, là tiếng nói, là văn hóa, là lịch sử, là máu xương và khát vọng của bao thế hệ.

Bài văn tham khảo

Tổ quốc là hình tượng thiêng liêng, sâu nặng trong tâm hồn mỗi người Việt Nam. Trong thơ ca, Tổ quốc không chỉ được nhìn qua lãnh thổ, biên cương mà còn được cảm nhận từ những điều bình dị, thân thương nhất của đời sống. Qua hai đoạn thơ của Nguyễn Sĩ Đại và Nguyễn Việt Chiến, hình tượng Tổ quốc hiện lên vừa gần gũi, ấm áp, vừa lớn lao, thiêng liêng.

Trong đoạn thơ của Nguyễn Sĩ Đại, Tổ quốc trước hết được cảm nhận từ nguồn cội sinh thành của con người. Nhà thơ viết: *“Tổ quốc là khi mẹ sinh con / Có cái mũi dọc dừa, màu da vàng như nắng”*. Tổ quốc không phải điều xa xôi mà bắt đầu từ hình hài, dáng vóc, màu da của mỗi con người Việt Nam. Tổ quốc còn gắn với người mẹ, với bếp lửa, với tình làng nghĩa xóm: *“Đêm trở dạ có bà con chòm xóm / Bếp lửa hồng ấm suốt cả đời ta”*. Những hình ảnh ấy làm cho Tổ quốc hiện lên thật ấm áp, nghĩa tình, thấm đẫm tình mẫu tử và tình cộng đồng.

Không chỉ vậy, Tổ quốc trong thơ Nguyễn Sĩ Đại còn là chiều sâu văn hóa dân tộc. Hình ảnh Thánh Gióng gợi truyền thống yêu nước, tinh thần anh hùng chống giặc ngoại xâm; hình ảnh cô Tấm gợi vẻ đẹp nhân hậu, dịu dàng của con người Việt Nam. Đặc biệt, nhà thơ còn cảm nhận Tổ quốc qua tiếng Việt, qua câu hát, qua Truyện Kiều. Tiếng Việt trở thành linh hồn dân tộc, nơi lưu giữ lịch sử, văn hóa và tâm hồn Việt Nam qua bao tháng năm thăng trầm.

Trong đoạn thơ của Nguyễn Việt Chiến, Tổ quốc cũng được thể hiện bằng những hình ảnh gần gũi và giàu sức gợi. Tổ quốc trước hết là *“tiếng mẹ / Ru ta từ trong nôi”*. Tiếng mẹ là âm thanh đầu đời, là lời ru nuôi dưỡng tâm hồn, là cội nguồn của tình yêu thương và nhân cách. Từ tiếng mẹ, hình tượng Tổ quốc mở rộng ra không gian thiên nhiên, lịch sử: *“Tổ quốc là mây trắng / Trên núi ngàn Trường Sơn / Bao người con ngã xuống / Cho quê hương mãi còn”*. Hình ảnh Trường Sơn gợi vẻ đẹp hùng vĩ của đất nước, đồng thời gợi nhắc những hi sinh lớn lao của các thế hệ đi trước. Tổ quốc vì thế không chỉ đẹp mà còn thiêng liêng, được giữ gìn bằng máu xương của biết bao người con.

Bên cạnh vẻ đẹp hào hùng, Tổ quốc trong thơ Nguyễn Việt Chiến còn mang vẻ đẹp bình dị của làng quê: *“Tổ quốc là cây lúa / Chín vàng mùa ca dao / Như dáng người thôn nữ / Nghiêng vào mùa chiêm bao”*. Cây lúa, ca dao, người thôn nữ là những hình ảnh quen thuộc của văn hóa Việt Nam, gợi sự mềm mại, trù phú và nên thơ của quê hương đất nước.

Hai đoạn thơ có nhiều điểm gặp gỡ. Cả Nguyễn Sĩ Đại và Nguyễn Việt Chiến đều cảm nhận Tổ quốc từ những điều gần gũi: người mẹ, tiếng nói, làng quê, văn hóa dân gian và truyền thống lịch sử. Cả hai đều sử dụng kiểu câu định nghĩa “Tổ quốc là...” để cụ thể hóa một khái niệm lớn lao. Nhờ vậy, Tổ quốc hiện lên không khô cứng, trừu tượng mà trở nên thân thương, có hình ảnh, có âm thanh, có linh hồn.

Tuy nhiên, mỗi đoạn thơ vẫn có nét riêng. Nguyễn Sĩ Đại nghiêng về khám phá Tổ quốc trong nguồn cội sinh thành, trong tình làng nghĩa xóm và kho tàng văn hóa dân tộc như Thánh Gióng, cô Tấm, tiếng Việt, Truyện Kiều. Còn Nguyễn Việt Chiến lại khắc họa Tổ quốc cô đọng qua tiếng mẹ, Trường Sơn, sự hi sinh

của những người con và vẻ đẹp đồng quê. Nếu đoạn thơ của Nguyễn Sĩ Đại giàu chất văn hóa, dân gian thì đoạn thơ của Nguyễn Việt Chiến vừa tha thiết, gần gũi vừa trang trọng, hào hùng. Qua hai đoạn thơ, hình tượng Tổ quốc hiện lên phong phú và xúc động. Tổ quốc không chỉ là núi sông, lãnh thổ mà còn là mẹ, là tiếng Việt, là ca dao, là cây lúa, là lịch sử hi sinh và những giá trị văn hóa truyền đời. Hai nhà thơ đã giúp người đọc thêm yêu, thêm tự hào và thêm ý thức trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.